

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2019/DS - PT

Ngày: 14/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Kim Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLPT- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2019/QĐ – PT ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phước T, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Phạm Kim L, sinh năm 1975;

2. Võ Đoàn Hồng L1, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện hợp pháp của bà L:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Phước T trình bày:

Vào ngày 22/9/2018, bà T đã cho bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, chỉ nói khi nào cần thì báo trước 01 tháng, vay có làm giấy nợ ngày 22/9/2018 nhưng không có ký tên, chữ viết là của bà L. Việc trả lãi được thỏa thuận khi nào trả nợ bao nhiêu tháng sẽ trả lãi bấy nhiêu. Đến hạn trả bà L, ông L1 chỉ trả cho bà T được số tiền 30.000.000 đồng và chỉ trả được một tháng tiền lãi số tiền là 4.500.000 đồng, hiện nay bà L và ông L1 còn nợ tôi số tiền nợ vay là 120.000.000 đồng.

Đối với số tiền nợ hui tại đây hui khởi khai ngày 24/8/2018 do bà T làm chủ hui, bà T xác định phần nợ hui này là nợ vay, tiền nợ vay này góp 01 tháng góp 04 lần, mỗi tuần góp 01 lần, bà T đã giao cho ông L1 và bà L số tiền là 172.500.000 đồng. Bà L và ông L1 thừa nhận khoản vay 172.500.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ là 122.500.000 đồng. Bà T chấp nhận ông L1 và bà L nợ số tiền 122.500.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông L1 và bà L trả số tiền nợ vay là 242.500.000 đồng. Bà T yêu cầu tính lãi số tiền 120.000.000 đồng từ tháng 10/2018 theo lãi suất 1%/tháng đến ngày giải quyết vụ án. Bà T yêu cầu tính lãi số tiền 122.500.000 đồng, lãi suất 1%/tháng từ tháng 11/2018 đến ngày giải quyết vụ án.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Phạm Kim L và Võ Đoàn Hồng L1 cùng trình bày:

Ông L1 và bà L xác định số tiền 172.500.000 đồng ngày 24/8/2018 được xác định là tiền vay, phía bị đơn thừa nhận có nhận số tiền vay của bà T với hình thức góp hàng tuần. Phía bị đơn đã trả bà T số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ bà T số tiền 122.500.000 đồng. Ông L1 và bà L đồng ý trả số tiền nợ vay 122.500.000 đồng và đồng ý trả lãi theo lãi suất 1%/tháng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử như bà T yêu cầu. Bà L, ông L1 đồng ý cùng liên đới trả số tiền này.

Đối với giấy ghi nợ ngày 22/9/2018, bà L thừa nhận là do bà Phạm Kim L viết nhưng đây chỉ là dự thảo hợp đồng vay chứ chưa ký kết và chưa thực hiện vì không có ký tên. Qua yêu cầu của bà T, phía bà L, ông L1 không đồng ý trả bà T số tiền 120.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước T đối với bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

2. Buộc bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 267.950.000 đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 242.500.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 25.450.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/8/2019 bị đơn Phạm Kim L kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý hợp đồng vay ngày 22/9/2018, số tiền 150.000.000 đồng vì thực tế bà L không có vay, hợp đồng này không có ký kết và không có giao nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng hợp đồng vay ngày 22/9/2018, số tiền 150.000.000 đồng là không có thực, chỉ là bản dự thảo. Sau đó đến ngày 26/10/2018 lập hợp đồng mua bán đất nền nhà có điều kiện mới đúng là hợp vay. Ngày 22/9/2018 bị đơn không có nhận tiền vay. Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Võ Đoàn Hồng L1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai giấy triệu tập mời dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đối với số tiền nợ hui ngày 24/8/2018 do bà T làm chủ hui, bà T xác định phần nợ hui này là nợ vay, tiền nợ vay này góp 01 tháng 04 lần, mỗi tuần góp 01 lần, bà T đã giao cho ông L1 và bà L số tiền là 172.500.000 đồng. Bà L và ông L1 cũng thừa nhận khoản vay 172.500.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ là 122.500.000 đồng và đồng ý theo yêu cầu của bà T, phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực nên ghi nhận.

[3] Đối với hợp đồng vay ngày 22/9/2018, số tiền vay 150.000.000 đồng, bà L không thừa nhận và cho rằng đây chỉ là dự thảo hợp đồng, các bên không có ký kết và không có việc giao nhận tiền. Tuy nhiên, bà L thừa nhận chữ viết trong hợp đồng này là của bà và bà có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà cho bà T giữ. Nội dung hợp đồng vay có đoạn ghi “Tôi tên Phạm Kim L có mượn của Nguyễn Thị Phước T số tiền 150.000.000 đồng một trăm năm mươi triệu đồng”, nếu cho rằng đây là dự thảo của hợp đồng thì khi không thực hiện hợp đồng bà L phải hủy bỏ giấy này và không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà cho bà T giữ để làm tin. Thực tế, bà T có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L và việc bà T giữ giấy vay ngày 22/9/2018 là thể hiện bà L có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng. Bà L kháng cáo mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Kim L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS – ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước T đối với bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 267.950.000 đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 242.500.000 đồng (hai trăm bốn

mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 25.450.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Kim L và ông Võ Đoàn Hồng L1 phải liên đới chịu 13.397.500 đồng (mười ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị Phước T số tiền 7.135.000 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0003342, 0003343 cùng ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005882 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng